

MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ KẾT QUẢ TEST RORSCHACH TRÊN BỆNH NHÂN TÂM THẦN PHÂN LIỆT

Nguyễn Sinh Phúc

Bệnh viện 103.

Ngô Toàn

Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn.

1. Đặt vấn đề

Trong lâm sàng, các trắc nghiệm tâm lý đã được ứng dụng từ những năm đầu của thế kỷ XX. Cho đến những năm 1950, sau một loạt những thành công của các test trí tuệ, những trắc nghiệm nhân cách cũng đã bắt đầu được chú ý, khai thác và ứng dụng nhiều hơn.

Ra đời từ năm 1921 do bác sĩ tâm thần người Thụy Sĩ Hermann Rorschach (1884 - 1922) thiết kế, test Rorschach đã nhanh chóng được ứng dụng vào trong lâm sàng tâm thần. Về sau (Frank, 1939) mới xếp nó vào nhóm test tâm lý phóng chiếu. Mặc dù cho đến nay, cơ sở lý luận của trắc nghiệm này vẫn còn đang được bàn cãi; độ hiệu lực/ứng nghiệm dao động khá lớn, song nó vẫn đang là một trong 10 trắc nghiệm tâm lý thông dụng nhất trên thế giới (Phares, 2001).

Nếu như ở nhiều nước, trắc nghiệm tâm lý đã trở thành thường qui trong lâm sàng tâm thần thì ở nước ta mới là bắt đầu. Tuy nhiên, các trắc nghiệm trí tuệ và một số trắc nghiệm nhân cách như: MMPI, TAT đã có những nghiên cứu ứng dụng thì trắc nghiệm Rorschach hầu như chưa có. Do vậy, trong nghiên cứu này chúng tôi đặt ra hai mục tiêu:

- Nhận xét bước đầu về kết quả trắc nghiệm Rorschach ở bệnh nhân tâm thần phân liệt (TTPL).

- Phân tích so sánh kết quả trắc nghiệm Rorschach của nhóm bệnh nhân TTPL với kết quả của nhóm học viên quân Y.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu chính gồm 32 bệnh nhân nam đã được chẩn đoán xác định là TTPL, tuổi từ 22 đến 39, được điều trị nội trú tại Khoa A6 - Bệnh viện 103 trong thời gian nghiên cứu (từ tháng 3/ 2005 đến 10/ 2005).

Nhóm so sánh gồm 35 người (32 nam học viên và 3 nhân viên) đang học tập, công tác tại Học viện Quân y, ở độ tuổi từ 23 - 30. Chúng tôi có ý định chọn nhóm này để nhằm so sánh với nhóm TTPL, đồng thời cũng thăm dò về khả năng ảnh hưởng của kinh nghiệm nghề nghiệp (cụ thể là ngành y) đến kết quả trắc nghiệm. Để thuận tiện cho việc trình bày, chúng tôi xin được gọi chung nhóm này là nhóm học viên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

a. Mô tả phương pháp

Tài liệu của trắc nghiệm Rorschach bao gồm 10 bức hình, còn gọi là 10 vết mực (inkblot), đối xứng qua trục. Mỗi hình có kích thước 16,82 cm × 23,37 cm

Hình I, IV, V, VI và VII là mẫu đen, xám. Hình II, III, VIII, IX và X là nhiều màu.

Đối tượng được đưa quan sát lần lượt từng bức hình với câu hỏi: “Cái gì đây?”. Nếu thấy đối tượng khó trả lời thì có thể đặt câu hỏi tiếp: “Nó giống cái gì?”. Toàn bộ các câu trả lời cũng như những hành vi, cảm xúc, những bàn luận, nhận xét của đối tượng trong quá trình trắc nghiệm đều được ghi vào biên bản.

b. Xử lý kết quả

Kết quả của trắc nghiệm Rorschach được xử lý theo các chỉ số sau:

+ *Số lượng câu trả lời*: Với mỗi hình, đối tượng có thể có một hoặc một số câu trả lời.

+ *Định khu*: Tuỳ theo câu trả lời được khu trú vào bộ phận nào của hình, mỗi câu trả lời có thể được mã hoá bởi các chữ cái (theo tiếng Anh):

W - Diễn giải toàn phần; *D* - Diễn giải tập trung vào một phần, bộ phận của hình; *Dd* - Trả lời tập trung vào một chi tiết nhỏ; *Do* - “Chi tiết thiếu năng”, đó là những chi tiết mà thông thường mọi người nhìn thấy một hình tổng thể thì

một số cá nhân (thường là những người chậm phát triển trí tuệ) lại nhìn thành một phần, một bộ phận; *S* - Trả lời tập trung vào khoảng trắng của hình

+ *Ưu thế*: Tùy theo cái gì chiếm ưu thế trong câu trả lời, có thể mã hoá:

F - Hình dáng; *M* - Vận động của người; *FM* - Vận động của động vật; *m* - Vận động của bất động vật; *C* - Màu sắc (câu trả lời chỉ có màu sắc); *CF* - Chủ yếu là màu sắc, có tính đến hình dáng; *FC* - Chủ yếu là hình dáng, có tính đến màu sắc; *c* - Màu xám (nhạt hoặc đậm); *Fc* - Hình dáng, có tính đến màu xám; *c'* - Màu đen hoặc xám đậm; *Fc'* - Hình dáng, có tính đến màu đen hoặc xám đậm.

+ *Nội dung trả lời*: *H* - Người; *Hd* - Một phần/ bộ phận của người; *A* - Hình động vật; *Ad* - Một phần/ bộ phận của động vật; *Anat* - Giải phẫu; *Sex* - Tình dục; *Pl* - Thực vật; *Obj* - Bất động vật; *Ar* - Kiến trúc; *Orn* - Trang trí hoa văn; Nếu không xếp được vào mã nào, có thể ghi đầy đủ

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Số lượng câu trả lời

Như trong phân phương pháp đã đề cập, với mỗi hình có thể có một hoặc một số câu trả lời. Mặc dù cả hai nhóm đều có cùng số tối đa (7 câu trả lời/hình) và tối thiểu (không có câu trả lời), tuy nhiên chỉ số trung bình ở nhóm TTPL ($14,44 \pm 5,76$), thấp hơn nhiều so với nhóm học viên ($22, 32 \pm 4,63$). Sự khác biệt này đáng kể về mặt thống kê ($p < 0,001$).

Số lượng câu trả lời trung bình qua từng hình cũng có sự khác biệt giữa 2 nhóm. Nhóm TTPL có câu trả lời trung bình đều thấp ở tất cả các hình (trừ hình 1) thấp hơn so với nhóm học viên và đặc biệt thấp ở hình IX, chỉ có 0,62 câu trả lời.

3.2. Định khu

Tùy theo câu trả lời bao quát toàn bộ hình hay chỉ là một bộ phận hoặc chi tiết nhỏ mà các câu trả lời được mã hoá (theo tiếng Anh).

Kết quả cho thấy những câu trả lời bao quát toàn hình (*W*) ở nhóm học viên quân y khá cao (66,62%), trong khi ở nhóm TTPL, tỉ lệ này chỉ chiếm 46,79%. Sự khác biệt này đáng kể về mặt thống kê. Sự khác biệt cũng đáng kể ở chỉ số chi tiết nhỏ (*Dd*): ở nhóm TTPL là 18,83% còn ở nhóm học viên là 8,18% ($p < 0,05$).

3.3. Ưu thế

Hình dáng chiếm ưu thế trong 219 câu trả lời của nhóm TTPL (chiếm 47,0%); thấp hơn đáng kể so với 62,19% của nhóm học viên (với $p < 0,001$). Ở nhóm TTPL, ưu thế màu sắc (C) thuần túy chiếm 14,93% số câu trả lời, cao hơn đáng kể so với 1,15% của nhóm học viên ($p < 0,01$).

3.4. Nội dung câu trả lời

Một nhóm chỉ số khác cũng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Đó là các chỉ số nội dung. Qua phân tích, nội dung động vật (bao gồm A và Ad) chiếm tỉ lệ cao trong số các câu trả lời của cả 2 nhóm. Ở nhóm TTPL, nội dung động vật chiếm hơn một nửa số trường hợp (51,74%), cao hơn nhiều so với nhóm học viên (31,07%). Sự khác biệt này là đáng kể ($p < 0,001$). Mặt khác, cũng có nhiều loại động vật khác nhau. Các số liệu cho thấy động vật có cánh (dơi, bướm, cánh cam...) chiếm tỉ lệ cao ở các hình I, II, IV và đặc biệt là ở hình V. Trong khi đó động vật 4 chân chiếm ưu thế ở các hình II, VII và VIII. Sự khác biệt chủ yếu của 2 nhóm diễn ra ở hình II, III, IV và X về nội dung động vật có cánh; ở hình III về nội dung động vật 4 chân và ở hình IX nội dung về những dạng động vật khác.

Có sự khác biệt đáng kể nữa giữa 2 nhóm là ở chỉ số giải phẫu - Anat, đây là những câu trả lời dạng như khung xương chậu, đốt sống, tế bào thần kinh v.v... Chỉ số này ở nhóm TTPL chỉ chiếm 2,6% số câu trả lời. Trong khi đó ở nhóm học viên, chỉ số Anat lên đến 14,90%.

Bên cạnh các chỉ số nội dung theo test Rorschach, chúng tôi cũng thống kê những câu trả lời không thể mã hoá được. Đó là những câu trả lời mang màu sắc bệnh lý rất rõ rệt, ví dụ: hình ảnh *quan tài treo trên cành cây* hoặc *Hoàng thượng bay* v.v... ở nhóm TTPL ít nhất có 8 câu trả lời như vậy.

4. Bàn luận

4.1. Về số lượng câu trả lời

Số lượng câu trả lời trung bình của người bình thường, theo Beck (1954) là 15,8; theo Piotrowski (1957) là từ 15 đến 30, còn trong nghiên cứu của Burlatruk (1979) là 16,8. Trong nghiên cứu của chúng tôi, chỉ số trung bình của cả 10 hình ở nhóm học viên là 22,32. Như vậy, cũng có thể nhận xét rằng, không có sự khác biệt lớn giữa kết quả của nhóm học viên trong nghiên cứu này với kết quả của các tác giả khác.

Ở nhóm TTPL, chỉ số câu trả lời trung bình là 14,44. Kết quả trên nhóm TTPL của Burlatruk là 10,7. Nhìn chung, chỉ số câu trả lời thấp ở nhóm TTPL là do sự suy giảm tính tích cực của cá nhân. Bệnh nhân thường bằng lòng với 1 hoặc 2 câu trả lời đối với 1 hình. Gặp những hình khó, ví dụ như hình IX, họ

thường nhanh chóng từ chối dưới dạng như: “Không nhìn ra hình gì cả”. Do hình không phải là của một sự vật cụ thể nào đó đã có trong trí nhớ hoặc trong đời sống thực, nên người khoẻ mạnh thường hay xoay chuyển tư thế của hình và cũng do hình không phải là của một vật có thực nên ngay sau khi trả lời, họ đã không hài lòng, bởi vì họ nhận thấy có những chi tiết chưa hợp lý. Chính vì vậy họ lại tìm kiếm câu trả lời khác và có thể đảo tư thế, thậm chí còn lật ngược ra mặt sau của hình để tìm kiếm.

4.2. Về định khu

Theo Burlatruk, có thể đánh giá tính tích cực, đặc điểm tư duy của chủ thể thông qua các chỉ số định khu. Câu trả lời có định khu tổng thể chiếm 66,62% ở nhóm học viên và ở nhóm TTPL là 46,97%. Sự khác biệt đáng kể ($p < 0,001$). Qua trắc nghiệm cũng có thể dễ dàng nhận thấy tính linh hoạt của tư duy ở nhóm học viên: sau khi có một vài câu trả lời hướng vào tổng thể của hình, họ thường tiếp tục quan sát, đi sâu vào bộ phận, chi tiết và đưa ra câu trả lời. Trong khi đó, ở nhóm TTPL, một số bệnh nhân chỉ dừng lại với định hướng vào tổng thể hình, một số khác thì đi luôn vào các chi tiết/bộ phận của hình.

4.3. Ưu thế câu trả lời

Theo Klopfer (1970) chỉ số F (hình dáng) chiếm ưu thế không nên vượt quá 60%. Trong nghiên cứu của chúng tôi, chỉ số F ở nhóm học viên là 62,9%; ở nhóm TTPL có thấp hơn: 47,0% ($p < 0,001$).

Điểm đáng lưu ý là chỉ số ưu thế C (màu sắc) ở nhóm TTPL cao hơn hẳn so với nhóm học viên: 14,93% so với 1,15%. Đây là những trường hợp bệnh nhân chỉ gọi tên các màu có trong hình và cho rằng chịu, không nhìn thấy cái gì. Ngay cả khi được hỏi lại liệu nó giống cái gì thì bệnh nhân cũng chỉ lướt qua lại và tiếp tục khẳng định là không nhìn thấy gì.

4.4. Nội dung câu trả lời

Đúng như dự đoán và cũng phù hợp với nhận định của một số tác giả (Piotrowski, 1965), những người làm nghề y có tỉ lệ câu trả lời *Anat* (giải phẫu) nhiều hơn so với nhóm TTPL. Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỉ lệ *Anat* của nhóm học viên lên đến 14,96%. Trong khi đó, ở nhóm TTPL, tỉ lệ này chỉ có 2,6%.

Một điểm đáng lưu ý nữa là 117 câu trả lời của nhóm học viên phân bố cho 28 người trong tổng số 35 người tham gia làm trắc nghiệm. Trong khi đó nhóm TTPL chỉ có 5 người có câu trả lời *Anat*. Nếu tính theo số người thì tỉ lệ người có câu trả lời *Anat* ở nhóm học viên là 80,0% còn ở nhóm TTPL chỉ là 15,62%.

Trong xử lý kết quả trắc nghiệm Rorschach còn có nhóm chỉ số *Org* (độc đáo) và *Pop* (phổ thông). Những câu trả lời độc đáo là những câu chỉ gặp ở 1 hoặc 2 lần trong khoảng 100 trường hợp làm trắc nghiệm. Do số lượng nghiên cứu chưa nhiều nên chúng tôi chưa xử lý theo những chỉ số này. Tuy nhiên, trong quá trình phân tích kết quả, chúng tôi cũng “nhặt” ra được một số câu trả lời mà có thể xếp vào loại đặc biệt. Ví dụ như: *Quan tài treo trên ngọn cây* hoặc *Hoàng thượng bay*. Tỷ lệ 1,73% có lẽ cũng chưa phải là cao đối với nhóm TTPL, những người được xem là có các hành vi cũng như suy nghĩ khác thường.

4.5. Những hạn chế của nghiên cứu này

Mặc dù đã có những cố gắng, song đề tài của chúng tôi vẫn còn những hạn chế nhất định:

- Nhóm nghiên cứu là TTPL mới chỉ toàn là nam giới. Do vậy, chưa có điều kiện để so sánh giữa nhóm nam và nhóm nữ.

- Chưa đi sâu phân tích được những mối liên quan giữa đặc điểm lâm sàng (đặc biệt là hoang tưởng, ảo giác) với kết quả của trắc nghiệm.

- Việc lựa chọn nhóm học viên mới chỉ đáp ứng được phần nào ý định thăm dò khả năng ảnh hưởng của kinh nghiệm nghề nghiệp đến kết quả trắc nghiệm và để so sánh với nhóm TTPL chứ chưa phải là nhóm đối chứng.

- Còn có một số chỉ số khác của trắc nghiệm chưa được xử lý, ví dụ chỉ số về thời gian: thời gian phản ứng, thời gian trả lời cho từng hình, thời gian trả lời các hình có mâu và các hình đen xám, thời gian thực hiện toàn bộ trắc nghiệm...

Tuy vậy, nhìn chung nghiên cứu cũng thu được một số kết quả nhất định. Trên cơ sở những kết quả đó chúng tôi đi đến một vài kết luận.

5. Kết luận

- Có sự khác biệt nhất định về kết quả trắc nghiệm Rorschach ở nhóm bệnh nhân TTPL so với nhóm học viên quân y. So với nhóm học viên, nhóm bệnh nhân TTPL có:

- + Số lượng câu trả lời trung bình thấp.
- + Thường khó trả lời ở hình số IX.
- + Có những hình chỉ gọi tên mâu sắc.
- + Có những câu trả lời “độc đáo” một cách kì dị.

- Khi phân tích, cần lưu ý đến khả năng ảnh hưởng của kinh nghiệm cá nhân đến kết quả trắc nghiệm Rorschach.

- Cần có những nghiên cứu sâu và rộng thêm để có thể so sánh kết quả trắc nghiệm Rorschach ở các thể tâm thần phân liệt khác nhau, ở các rối loạn tâm thần khác nhau và cả ở những nhóm người khỏe mạnh khác. Đây chính là cơ sở tạo giá trị chẩn đoán cho trắc nghiệm Rorschach, một trắc nghiệm gần như là thường quy đối với nhiều cơ sở lâm sàng trên thế giới.

Tài liệu tham khảo

1. T.J. Trull, E.J. Phares. *Clinical psychology - 6th edition*, Wadsworth - USA, pp. 234 - 250, 2001.
2. L.F. Burlatruk. *Nghiên cứu nhân cách trong tâm lý lâm sàng*. Kiev, tr. 146 (Tiếng Nga), 1978.